**Chương I. MỆNH ĐỀ - TẬP HỢP**

**§1. MỆNH ĐỀ**

**Câu 1:** Trong các câu sau, câu nào là mệnh đề ?

**A.** Hôm nay trời đẹp quá? **B.** Bạn ăn cơm chưa ?

**C.** Mấy giờ rồi ? **D.** Hà nội là thủ đô của nước Việt Nam.

**Câu 2:** Trong các câu sau, câu nào không phải là mệnh đề ?

**A.** Bộ phim hay quá ! **B.** Lý Hùng là diễn viên nhật bản.

**C.** 3+2 = 6. **D.** 6 chia hết cho 3.

**Câu 3:** Trong các câu sau, có bao nhiêu câu là mệnh đề ?

(1) Chăm chỉ lên nhé! (2)Số 20 chia hết cho 6

(3) Số 7 là số nguyên tố. (4) Số 3 là một số chẵn.

**A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

**Câu 4:** Trong các câu sau, có bao nhiêu câu là mệnh đề ?

(1) Môn toán khó quá ! (2)Bạn có đói không ? (3) 2>3 hoặc 1<4. (4) 

**A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

**Câu 5:** Trong các câu sau, câu nào là mệnh đề ***đúng*** ?

**A.**   là số hữu tỉ **B.** Bạn học chăm quá !

**C.** Bạn đang học lớp mấy ? **D.** 17 là số nguyên tố.

**Câu 6:** Mệnh đề được phát biểu như thế nào?

**A.** Nếu  thì. **B. ** được suy ra từ. **C.** Nếu  thì. **D. ** suy ra.

**Câu 7:** Cho hai mệnh đề “ Quyển vở này của Nam” và “ Quyển vở này có 200 trang”. Cho biết hai mệnh đề trên đều đúng, tìm mệnh đề ***sai*** trong các mệnh đề sau:

**A.** Quyển vở này không phải của Nam nên nó không có 200 trang.

**B.** Quyển vở này của Nam nên nó không có 200 trang..

**C.** Quyển vở này không phải của Nam nên nó có 200 trang..

**D.** Quyển vở này của Nam nên nó có 200 trang.

**Câu 8:** Phủ định của mệnh đề: “ Phương trình  có hai nghiệm phân biệt” là mệnh đề nào dưới đây?

**A.** Phương trình  vô nghiệm.

**B.** Phương trình  không phải có hai nghiệm phân biệt .

**C.** Phương trình  có nghiệm kép.

**D.** Phương trình  phải có hai nghiệm phân biệt.

**Câu 9:** Phủ định của mệnh đề: “  là số vô tỷ” là mệnh đề nào dưới đây?

**A. ** là số tự nhiên. **B. ** là số nguyên.

**C. ** là số hữu tỷ. **D. ** là số thực.

**Câu 10:** Cho các mệnh đề sau đây:

(I) Tam giác ABC là tam giác đều thì tam giác ABC có AB = AC.

(II) Nếu a và b đều là các số chẵn thì (a+b) là các số chẵn.

(III) Nếu tam giác ABC có tổng hai góc bằng thì tam giác ABC là tam giác vuông.

Trong các mệnh đề đảo (I), (II), (III) có bao nhiêu mệnh đề đúng

**A.0** **B.** 1 **C.** 2 **D.** 3.

**Câu 11:** Cách phát biểu nào sau đây ***không thể*** dùng để phát biểu mệnh đề  ?

**A.** Nếu A thì B. **B.** suy ra.

**C. ** kéo theo. **D. ** là điều kiện đủ để có.

**Câu 12:**Trong các mệnh đề sau đây, mệnh đề nào có ***mệnh đề đảo*** là đúng ?

**A.** Nếu a và b cùng chia hết cho c thì (a+b) chia hết cho c

**B.** Nếu hai tam giác bằng nhau thì diện tích bằng nhau

**C.** Nếu a chia hết cho 3 thì a chia hết cho 9

**D.** Nếu một số tận cùng bằng 0 thì số đó chia hết cho 5

**Câu 13:** Phát biểu nào sau đây là mệnh đề **đúng** ?

**A.** 2.5 = 10Lôn Đôn là thủ đô nước Hà Lan **B.** 7 là số lẻ  7 chia hết cho 2

**C.** 81 là số chính phương  là số nguyên **D.** Số 141 chia hết cho 3  141 chia hết cho 9

**Câu 14:** Mệnh đề nào sau đây là mệnh đề ***sai***?

**A.** ABCD là hình chữ nhật tứ giác ABCD có ba góc vuông.

**B.** ABC là tam giác đều .

**C.** ABC là tam giác cân tại A  AB = AC.

**D.** Tứ giác ABCD nội tiếp đường tròn tâm O  OA = OB = OC = OD.

**Câu 15:** Mệnh đề nào sau đây là mệnh đề ***sai***?

**A.** 10 chia hết cho 5 Hình vuông có hai đường chéo bằng nhau và vuông góc nhau.

**B.** ABC là tam giác vuông tại C .

**C.** Hình thang ABCD nội tiếp đường tròn (O) ABCD là hình thang cân.(Sử dụng tổng hai góc đối của tứ giác nội tiếp+ quan hệ song song)

**D.** 63 chia hết cho 7 hình bình hành có hai đường chéo vuông góc.

**Câu 16:** Biết B là mệnh đề đúng, A là mệnh đề sai. Mệnh đề nào sau đây **đúng** ?

**A.** . **B. ** **C. ** **D.** 

**Câu 17:** Biết A là mệnh đề đúng, B là mệnh đề sai, C là mệnh đề đúng. Mệnh đề nào sau đây **sai**?

**A.** . **B. ** **C. ** **D.** 

**Câu 18:** Biết A, B, C là ba mệnh đề đúng. Mệnh đề nào sau đây **đúng**?

**A.** . **B. ** **C. ** **D.** .

**Câu 19:** Cho 3 mệnh đề : P“ số 20 chia hết cho 5 và chia hết cho 2”; Q “ số 35 chia hết cho 9”; R “ số 17 là số nguyên tố”**.** Mệnh đề nào sau đây **sai**?

**A.** . **B. ** **C. ** **D.**.

**Câu 20:** Cách phát biểu nào sau đây ***không thể*** dùng để phát biểu mệnh đề  ?

**A.**  A tương đương với B. **B.** khi và chỉ khi.

**C. ** là điều kiện đủ để có. **D.** A là điều kiện cần và đủ để có B.

**ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đ.ÁN** | **D** | **A** | **C** | **B** | **D** | **C** | **B** | **B** | **C** | **B** | **D** | **C** | **C** | **B** | **D** | **D** | **D** | **D** | **C** | **C** |